

Số: 208/BC-ĐBL

Tân Phú, ngày 30 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Kết quả thực hiện công khai và kết quả kiểm tra
công tác thực hiện công khai
Năm học 2023-2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh được thành lập vào năm 2016 theo Quyết định số 1915/QĐ – UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, địa chỉ 91B Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có tổng diện tích 4095,70 m², bao gồm: 30 phòng học, 3 phòng học bộ môn, sân chơi. Trường được xây dựng theo mô hình 01 trệt 03 lầu, 03 phòng học bộ môn kiên cố, các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong năm học 2023-2024, trường có 66/69 giáo viên đạt trình độ chuẩn, tỷ lệ 95.7% (01 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn). Toàn trường có 2386 học sinh, 51 lớp.

Nhà trường được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân phường Sơn Kỳ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường có 32 đồng chí Đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong giáo dục học sinh.

Các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt được đội ngũ giáo viên và học sinh tích cực hưởng ứng và tham gia. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong công việc, luôn tích cực phấn đấu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh tọa lạc trên đường Tân Thắng là một trong số những con đường huyết mạch trên địa bàn Phường Sơn Kỳ nối dài đến khu trung tâm thương mại - mua sắm Aeon Tân Phú sầm uất, phát triển và hiện đại, giáp ranh với nhiều con đường trên địa bàn phường, thuận tiện cho học sinh di chuyển đến trường.

Điện thoại	028.38163137
Fax	Không
Website	https://thdinhbolinhtp.hcm.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Năm thành lập trường	2016	Số điểm trường	01
Công lập	Có	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, các em yêu thích đi học, cảm nhận được: “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*”.

Xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường. Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, để cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

Thực hiện thắng lợi Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo dục toàn diện học sinh, đẩy mạnh việc giảng dạy môn Tiếng Anh, Tin học. Xây dựng trường trở thành một trong những đơn vị duy trì đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh được thành lập vào năm 2016 theo Quyết định số 1915/QĐ – UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, địa chỉ 91B Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức tốt hoạt động ngoại khóa giúp học sinh được phát triển tri thức, phẩm chất và kỹ năng gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

- Thực hiện hiệu quả công tác tổ chức tiết học mở ở khối lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, hoạt động mở giờ ăn bán trú nhận được phản hồi tích cực, tin tưởng từ phía Cha mẹ học sinh.

- Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh luôn đảm bảo đạt được chỉ tiêu các thành tích như đơn vị đã đề ra so với Kế hoạch giáo dục năm học, tập thể cán bộ-giáo viên-nhân viên xây dựng được một tập thể đoàn kết vững mạnh, nhất trí cao. Qua đó, tạo nên sức mạnh về mọi mặt, để từng bước nâng cao uy tín và chất lượng trong hoạt động giáo dục của nhà trường:

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen tặng đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua: “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” năm học 2021-2022 theo Quyết định số 4710/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022.

+ Tập thể đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng Cờ thi đua Thành phố theo Quyết định số 4946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023.

+ Liên hoan văn nghệ ngành Giáo dục và đào tạo chào mừng 20 năm thành lập quận Tân Phú: 01 giải Nhì, 01 giải Ba đơn ca, 01 giải Khuyến khích múa, năm học 2023-2024.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú tặng giấy khen Chi bộ Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022-2023 theo Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023.

+ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú tặng giấy khen đơn vị trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh đạt giải Ba hội thi Tiếng Anh cấp Quận, chủ đề “Nhạc kịch Tiếng Anh và lịch sử Việt Nam” theo Quyết định số 352/QĐ-GDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2023.

+ Ban chấp hành Đảng bộ phường Sơn Kỳ tặng giấy khen Tập thể Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu năm 2022 theo Quyết định 109-QĐ-ĐU ngày 10 tháng 01 năm 2023.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ tặng Giấy khen Tập thể Cán bộ, Giáo viên trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh đạt thành tích xuất sắc trong phong trào “Dân vận khéo” năm 2022 theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023.

+ Ban chấp hành Đảng bộ phường Sơn Kỳ tặng giấy khen Tập thể Chi bộ Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022-2023 theo Quyết định số 120-QĐ/ĐU ngày 15 tháng 5 năm 2023.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ và tên Hiệu trưởng trường TH Đinh Bộ Lĩnh	Trần Nguyên Thụy
Địa chỉ nơi làm việc	91B Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú
Điện thoại	028.38163137
Fax	Không

Thư điện tử	c1dinhbolinh.tanphuhcm@moet.edu.vn
Website	https://thdinhbolinhhttp.hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh thành lập theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

b) Quyết định tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn năm học 2023-2024;

Quyết định Tổ trưởng, Tổ phó năm học 2023-2024:

*** Tổ trưởng:**

- Khối 1: Lê Hoàng Linh: 166/QĐ-ĐBL.
- Khối 2: Phạm Thị Mỹ Xuân: 168/QĐ-ĐBL
- Khối 3: Nguyễn Thị Ngọc Hương: 170/QĐ-ĐBL
- Khối 4: Nguyễn Thanh Tùng: 172/QĐ-ĐBL
- Khối 5: Tăng Thị Hiếu: 174/QĐ-ĐBL
- Khối Bộ môn: Đặng Ngọc Tiểu Lynh: 176/QĐ-ĐBL
- Khối Văn Phòng: Phạm Thị Hoàng Thương: 178/QĐ-ĐBL

*** Tổ Phó:**

- Khối 1: Mai Thị Kim Hồng: 167/QĐ-ĐBL.
- Khối 2: Ngô Thị Mến: 169/QĐ-ĐBL
- Khối 3: Phạm Thanh Nga: 171/QĐ-ĐBL
- Khối 4: Nguyễn Thị Thu Hằng: 173/QĐ-ĐBL
- Khối 5: Phạm Xuân Minh: 175/QĐ-ĐBL
- Khối Bộ môn: Trần Thị Ngọc Tươi: 177/QĐ-ĐBL
- Khối Văn Phòng: Lê Ngọc Mai: 179/QĐ-ĐBL

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh với ông Trần Nguyên Thụy số 4240/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Quyết định điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh với bà Nguyễn Trọng Ngọc Minh Trúc số 1766/QĐ-UBND ngày 01/07/2021 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Quyết định điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh với bà La Thị Thanh Thùy số 1849/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Ủy ban nhân quận Tân Phú.

d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục đã ban hành:

Nhà trường đã xây dựng và công khai một số văn bản về kế hoạch chiến lược, kế hoạch giáo dục năm học, quy chế dân chủ tại đơn vị:

+ Kế hoạch số 179/KH-ĐBL ngày 17/07/2020 về Kế hoạch Chiến lược phát triển trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh - Giai đoạn 2020-2025;

+ Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 58/KH-ĐBL ngày 10/04/2023 về thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường năm 2023;

+ Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 64/KH-ĐBL ngày 18/4/2023 về tuyển dụng viên chức Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh quận Tân Phú năm học 2023-2024;

+ Quyết định Hội đồng trường số 353/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc công nhận Hội đồng trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh quận Tân Phú nhiệm kỳ 2021-2026;

+ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh quận Tân Phú nhiệm kỳ 2021-2026;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tình hình đội ngũ

Số lượng giáo viên giảng dạy đạt tỉ lệ giáo viên/lớp là 1,33%, đảm bảo số lượng giáo viên nhiều môn phân công bố trí giáo viên dạy lớp 01 giáo viên/lớp.

Tập thể Sư phạm nhà trường đoàn kết, thống nhất, trách nhiệm cao trong công việc và cùng tích cực xây dựng chất lượng giáo dục của nhà trường. Đội ngũ giáo viên trẻ, chủ động, sáng tạo, lực lượng nhân viên tận tình, có trách nhiệm và yêu thương học sinh. Các bộ phận thực hiện tốt công tác phối hợp giáo dục toàn diện học sinh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo đáp ứng được các yêu cầu trong quản lý, chỉ đạo chuyên môn và trong công tác giảng dạy. Tuy nhiên còn 02 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 ngày 14 tháng 06 năm 2019.

2. Tình hình học sinh

Đa số học sinh chăm ngoan, có ý thức tự giác học tập, ham học hỏi; biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống; học sinh có ý thức rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân đáp ứng được các yêu cầu theo mục tiêu chương trình giáo dục.

Tỉ lệ học sinh/lớp còn khá cao nên học sinh còn gặp khó khăn khi tham gia các hoạt động giáo dục. Tỉ lệ học sinh học 02 buổi/ngày còn thấp đạt 29,15%.

Số lượng học sinh gặp khó khăn trong học tập và học sinh học hòa nhập chiếm tỉ lệ cao ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của giáo viên tại lớp.

Tỉ lệ học sinh/lớp tương đối đồng (tỉ lệ 45,94%/lớp) chưa đảm bảo theo Quy định Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT Ban hành Điều lệ trường tiểu học ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối	Số lớp	Số học sinh	Học 02 buổi/ngày	HS khuyết tật học hòa nhập	Tỉ lệ HS/lớp	HS có hoàn cảnh khó khăn và thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo
Một	10	415	148	0	41.5	3
Hai	11	497	146	2	45.2	1
Ba	11	508	148	2	46.2	20
Bốn	12	576	146	5	48	6
Năm	7	347	99	4	49.6	8
Cộng	51	2343	683	13	45.26	50

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường thường xuyên rà soát, tu sửa cơ sở vật chất, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị, cải tạo môi trường sư phạm khang trang, sạch đẹp, thoáng mát, an toàn, đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học. Khuôn viên nhà trường rộng rãi với diện tích khuôn viên là 4095.7m², diện tích sân tập thể dục, diện tích sân chơi là 1983.4m² đảm bảo tổ chức các hoạt động học tập và vui chơi cho học sinh.

Tổng số phòng học: 30 phòng, diện tích mỗi phòng học là 56m²; 100% các phòng học đều được trang bị tivi thông minh và máy chiếu, trong đó 50% tivi thông minh tương tác, 50% bảng tương tác; hội trường được trang bị màn hình LED; bảng thông tin điện tử được lắp đặt trước cổng trường.

Khối phòng phục vụ học tập gồm: 02 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Thiết bị, 01 phòng Giáo dục nghệ thuật, 01 phòng Truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu cho hoạt động giáo dục.

Khối hành chính – quản trị gồm: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên được trang bị âm thanh và ti vi tương tác, văn phòng, phòng y tế học đường. Các phòng được trang bị đúng công năng đảm bảo các thiết bị phục vụ công tác như bàn ghế, tủ, máy vi tính có nối mạng Internet, máy in, điện thoại, máy photocopy... và phương tiện làm việc khác.

*** Thiết bị dạy học theo quy định**

Thư viện nhà trường tiến hành rà soát, đảm bảo thiết bị dạy học cho các khối lớp theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

Đối với lớp 5 gồm 07 bộ dành cho giáo viên, 03 bộ Ban giám hiệu, lưu tại thư viện 05 bộ và 347 bộ sách cung ứng cho học sinh.

Đảm bảo 100% giáo viên được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học, sách giáo khoa, sách tham khảo.

Trường chỉ đạo tổ chuyên môn 1, 2, 3, 4, 5 nghiên cứu chủ đề bài học để khai thác và hướng dẫn học sinh sử dụng hiệu quả sách giáo khoa.

Bộ phận thư viện thực hiện đăng ký số lượng sách giáo khoa để lưu trữ tại thư viện và cung ứng sách giáo khoa, đảm bảo học sinh có đầy đủ sách giáo khoa tham gia học tập Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, thực hiện công khai danh mục sách giáo khoa và giá tiền theo niêm yết của nhà xuất bản. Quá trình cung ứng sách giáo khoa rõ ràng minh bạch.

Nghiêm túc thực hiện đúng quy định theo công văn số 2253/SGDĐT-VP của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc triển khai thực hiện chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa, sách tham khảo trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Nhà trường phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến nhân dân trên địa bàn phường.

*** Cơ sở vật chất thực hiện 02 buổi/ngày**

Trường có bếp ăn tập thể được bố trí theo quy trình bếp ăn một chiều; có đầy đủ các vật dụng bán trú inox hóa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định; Trường không có nhà ăn và phòng ngủ riêng biệt, học sinh bán trú ăn ngủ tại lớp, tuy nhiên nhà trường vẫn đảm bảo trang bị cơ sở vật chất đúng công năng, phù hợp với tình hình thực tế, vật dụng cá nhân có tính ứng dụng cao đảm bảo phục vụ tốt giờ ăn, giờ ngủ của học sinh.

Hàng năm, nhà trường đều phối hợp cha mẹ học sinh trang bị vật dụng bán trú cá nhân cần thiết cho học sinh như: gối, khăn, ca, bàn chải...

*** Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học/số lớp		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4095	4095/2343= 1,75 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1799,2	1799,2/234 3 = 0,77 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	56/2343 = 0,023 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	42,5	42,5/2343= 0,018 m ²
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	56	56/2343 = 0,023 m ²
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	56	56/2343 = 0,023 m ²
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	42,5	42,5/2343= 0,018 m ²
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	0	0
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	16	16/2343=0, 006 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	69	69/51= 1,35
1.1	Khối lớp 1	17	17/10 = 1,7
1.2	Khối lớp 2	15	15/11 = 1,36
1.3	Khối lớp 3	15	15/11 = 1,36
1.4	Khối lớp 4	20	20/12 = 1,67
1.5	Khối lớp 5	15	15/7 = 2,14
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	97	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	34	1/1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	0
5	Thiết bị khác: - Máy Scan - Máy vi tính GV - Lap top	3	
	Nội dung	Số lượng(m²)	
X	Nhà bếp	81	
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		14		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thực hiện công khai Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh:

- Nhà trường thực hiện công khai kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2023-2024;

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá năm học 2023-2024 số 167/KH-ĐBL ngày 21 tháng 8 năm 2023;

2. Nhà trường công khai đạt chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 179-19/QĐ-SGDĐT Cấp độ 1 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Nhà trường công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

+ *Cam kết chất lượng giáo dục*: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 và của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

(Đính kèm phụ lục 2)

+ *Chất lượng giáo dục thực tế*: Số học sinh xếp loại theo từng năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm học; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi, số học sinh dự xét hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

(Đính kèm phụ lục 3)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

+ Công khai thu chi tài chính

Trường đã thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Công khai số liệu dự toán hàng quý

Quyết định 146/QĐ-ĐBL ngày 18/7/2023 công khai điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

Quyết định 294/QĐ-ĐBL ngày 20/11/2023 công khai điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

Quyết định 330/QĐ-ĐBL ngày 30/12/2023 công khai dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Quyết định 155/QĐ-ĐBL ngày 25/7/2024 công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024

VII. Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

Nhà trường đã triển khai và thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo về Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

VII. KẾT QUẢ

1. Ưu điểm

Trong năm học qua việc thực hiện quy chế công khai trong hoạt động của nhà trường có những chuyển biến tích cực, tình hình dân chủ từng bước được nâng lên, nhận thức của cán bộ giáo viên, nhân viên có nhiều chuyển biến, đề cao trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nội quy quy chế của nhà trường, nội bộ đoàn kết, không có trường hợp tiêu cực tham nhũng bị xử lý.

Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với phụ huynh học sinh được tốt hơn.

2. Hạn chế: Không.

3. Đề nghị: Không.

Trên đây là báo cáo công khai kết quả thực hiện công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục, năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh./.

Nơi nhận:

- PHT (chỉ đạo thực hiện);
- TTCM, GV (thực hiện);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 ĐINH BỘ LĨNH
 PHONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q. TÂY HỒ, TP. HÀ NỘI
Trần Nguyên Thụy

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH BỘ LĨNH

Phụ lục 1

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023-2024
(Tính đến thời điểm 30/8/2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	79	0	03	67	02	05	02	05	39	31	57	14	0	0
I	Giáo viên	68	0	03	63	01	01	0	02	36	30	54	14	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	05	0	01	04	0	0	0	0	03	02	05	0	0	0
3	Tin học	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
4	Âm nhạc	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0
5	Mỹ thuật	01	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0	01	0	0
6	Thể dục	02	0	0	02	0	0	0	0	01	01	01	01	0	0
II	Cán bộ quản lý	03	0	0	03	0	0	0	0	02	01	03	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0
III	Nhân viên	08	0	0	01	01	04	02	03	01	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	01	0	0	0	01	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0	0	0	0

6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nhân viên Phổ cập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Nhân viên phục vụ	03	0	0	0	0	01	02	0	0	0	0	0	0	0
11	Nhân viên Bảo vệ	01	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0

Tân Phú, ngày 30 tháng 8 năm 2024


 HỌ TÊN: **HIỀN TRƯỜNG**
 CHỨC VỤ: **TRƯỞNG TIỂU HỌC ĐINH BỘI LINH**
 TRÊN NGUYỄN THỤY

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025
(Tính đến thời điểm 30/8/2024)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I.	Điều kiện tuyển sinh	413 HS	497 HS	508 HS	573 HS	344 HS
		Thuận lợi, đảm bảo thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh: 100% trẻ đúng độ tuổi tại địa bàn được phân bổ.				
II.	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.				
III.	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt 3 môi trường giáo dục: Gia đình, nhà trường và xã hội. - Tổ chức họp Cha mẹ học sinh định kỳ 3 lần /1 năm học và Họp theo nhu cầu cần thiết. - Học sinh có thái độ học tập tích cực, thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường. Có thái độ tự giác trong học tập. 				
IV.	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đủ phòng học cho học sinh. - Tăng cường giáo dục Kỹ năng sống. - Tạo điều kiện học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, giao lưu với các nhân vật, tấm gương tiêu biểu, ... - Tổ chức cho học sinh tham quan, học tập ngoại khóa tìm hiểu về lịch sử địa phương, môi trường tự nhiên,... 				
V.	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình lớp học: 100% - Năng lực, phẩm chất: 100% đạt mức Hoàn thành tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình lớp học: 100% - Năng lực, phẩm chất: 100% đạt mức Hoàn thành tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình lớp học: 100% - Năng lực, phẩm chất: 100% đạt mức Hoàn thành tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình lớp học: 100% - Năng lực, phẩm chất: 100% đạt mức Hoàn thành tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình Tiểu học: 100% - Năng lực, phẩm chất: 100% đạt mức Hoàn thành tốt

		và Đạt	và Đạt	và Đạt	và Đạt	và Đạt
VI.	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018 để tiếp tục học lớp 2 tại các trường tiểu học.	Học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018 để tiếp tục học lớp 3 tại các trường tiểu học.	Học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018 để tiếp tục học lớp 4 tại các trường tiểu học.	Học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018 để tiếp tục học lớp 5 tại các trường tiểu học.	Học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018 để tiếp tục học tại các trường THCS.

Tân Phú, ngày 30 tháng 8 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 BÌNH BỘI LINH
 Trần Nguyên Thụy

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH BỘ LĨNH

Phụ lục 3

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục
của trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I.	Tổng số học sinh	2386	491	501	579	343	472
II.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	689	150	149	144	99	147
III.	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 CT GDPT 2018						
	Tự chủ và tự học						
	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)		88,8%	86%	86,7%	77%	
	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)		11,2%	14%	13,3%	23%	
	Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	
	Giao tiếp và hợp tác						
	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)		91%	86,4%	87,2%	80,5%	
	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)		9%	13,6%	12,8%	19,5%	
	Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo						
	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)		87,6%	84,4%	80,3%	74,9%	
	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)		12,4%	15,6%	19,7%	25,1%	

	<i>Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Ngôn ngữ						
	<i>Tốt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		90,6%	81,6%	86%	76,4%	
	<i>Đạt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		9,4%	18,2%	14%	23,6%	
	<i>Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0,2%	0%	0%	
	Tính toán						
	<i>Tốt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		92,3%	87,6%	82,7%	82,8%	
	<i>Đạt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		7,7%	12,2%	17,3%	17,2%	
	<i>Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0,2%	0%	0%	
	Khoa học						
	<i>Tốt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		91,4%	87%	87,9%	88,3%	
	<i>Đạt (tỉ lệ so với tổng số)</i>		8,6%	13%	12,1%	11,7%	
	<i>Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Công nghệ						
	<i>Tốt (tỉ lệ so với tổng số)</i>				92,7%	91,5%	
	<i>Đạt (tỉ lệ so với tổng số)</i>				7,3%	8,5%	
	<i>Cần cố gắng (tỉ lệ so với tổng số)</i>				0%	0%	
	Tin học						
	<i>Tốt (tỉ lệ so với tổng số)</i>				94,5%	79,6%	
	<i>Đạt</i>				5,5%	20,4%	

	<i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>						
	Cần cố gắng <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>				0%	0%	
	Thâm mĩ						
	Tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		87,8%	89,8%	85,1%	78,7%	
	Đạt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		12,2%	10,2%	14,9%	21,3%	
	Cần cố gắng <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Thể chất						
	Tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		95,1%	92,8%	89,3%	82,5%	
	Đạt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		4,9%	7,2%	10,7%	17,5%	
	Cần cố gắng <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Yêu nước						
	Tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		98,4%	95,4%	97,1%	93,6%	
	Đạt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		1,6%	4,6%	2,9%	6,4%	
	Cần cố gắng <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Nhân ái						
	Tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		98,4%	94,4%	96,4%	93,9%	
	Đạt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		1,6%	5,6%	3,6%	6,1%	
	Cần cố gắng <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Chăm chỉ						
	Tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>		91,6%	85%	86,9%	79,3%	

	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		8,4%	15%	13,1%	20,7%	
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	
	Trung thực						
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		98,4%	93,2%	95,5%	91%	
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		1,6%	6,8%	4,5%	9%	
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	
	Trách nhiệm						
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		92,7%	86%	87,2%	82,8%	
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		7,3%	14%	12,8%	17,2%	
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	
Đối với lớp 5 CT GDPT hiện hành 2006							
	Tự phục vụ, tự quản						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						87,9%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						12,1%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						0%
	Hợp tác						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						87,5%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						12,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						0%
	Tự học, giải quyết						

	vấn đề					
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>					82,8%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					17,2%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					0%
	Chăm học, chăm làm					
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>					83,1%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					16,9%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					0%
	Tự tin, trách nhiệm					
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>					83,9%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					16,1%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					0%
	Trung thực kỉ luật					
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>					89,8%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					10,2%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					0%
	Đoàn kết, yêu thương					
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>					91,5%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>					8,5%
	<i>Chưa hoàn thành</i>					0%

	(tỷ lệ so với tổng số)						
IV.	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
	Đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3, lớp 4 CT GDPT 2018						
	Môn Tiếng Việt						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		86,6%	76,7%	81,5%	72,3%	
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		13,4%	23,1%	18,5%	27,7%	
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0,2%	0%	0%	
	Môn Toán						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		89,8%	88,4%	79,1%	86,6%	
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		10,2%	11,4%	20,9%	13,4%	
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0,2%	0%	0%	
	Môn Tự nhiên và xã hội						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		87%	82,6%	83,1%		
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		13%	17,4%	16,9%		
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%		
	Môn Ngoại ngữ						
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				80,3%	74,6%	
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				19,7%	25,4%	
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				0%	0%	
	Môn Công nghệ						

	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>				92,8%	95,9%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>				7,2%	4,1%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>				0%	0%	
	Môn Giáo dục thể chất						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>		89,8%	84,8%	88,6%	86,6%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		10,2%	15,2%	11,4%	13,4%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Môn Âm nhạc						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>		87,6%	79,8%	80,3%	75,2%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		12,4%	20,2%	19,7%	24,8%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Môn Mỹ thuật						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>		90%	84%	82,6%	79,6%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		10%	16%	17,4%	20,4%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Môn Hoạt động trải nghiệm						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>		89%	82,2%	87,2%	82,2%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		11%	17,8%	12,8%	17,8%	

	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
	Môn Tin học						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>				93,3%	84,8%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>				6,7%	15,2%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>				0%	0%	
	Môn Đạo đức						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>		91,7%	84%	87,2%	86,6%	
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		8,3%	16%	12,8%	13,4%	
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	
Đối với lớp 5 CTGDPT hiện hành 2006							
	Môn Tiếng Việt						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						80,7%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						19,3%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Toán						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						86,4%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						13,6%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Khoa học						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						95,1%

	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						4,9%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Lịch sử - Địa lí						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						93%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						7%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Ngoại ngữ						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						67,5%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						32,5%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Tin học						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						91%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						9%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Đạo đức						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						83,5%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						16,5%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Âm nhạc						
	<i>Hoàn thành tốt</i>						80,7%

	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>						
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						19,3%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Mĩ thuật						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						78,8%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						21,2%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Kỹ thuật						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						82,6%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						17,4%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
	Môn Thể dục						
	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						83,9%
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						16,1%
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						0%
V.	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1.	Hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)		100%	99,8%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		79,2%	73,5%	63,2%	67,1%	59,3%

b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0%	0%	0%	0%
2.	<i>Chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)</i>		0%	0,2%	0%	0%	0%

Tân Phú, ngày 30 tháng 8 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 ĐỊNH BỘ LĨNH
 PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q. TÂY HỒ

Trần Nguyên Thụy